

KẾ HOẠCH
Triển khai công tác thẩm định và xác nhận các điều kiện
đảm bảo chất lượng giáo dục đại học năm 2017

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Tăng cường công khai minh bạch kết quả kiểm định cũng như các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục của các cơ sở giáo dục đại học (GDĐH) trước kỳ tuyển sinh đại học, cao đẳng năm 2017 để các cơ sở GDĐH khẳng định điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục của mình, tạo điều kiện thuận lợi cho thí sinh và gia đình thí sinh trong việc lựa chọn trường để đăng ký theo học, cung cấp thông tin cho xã hội biết và giám sát.

2. Yêu cầu

Các điều kiện đảm bảo chất lượng phải được thẩm định độc lập, khách quan, đúng quy trình và được xác nhận trước khi công khai. Công tác thẩm định phải hoàn thành trước ngày 30/6/2017.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Thành lập Ban chỉ đạo

Lãnh đạo Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) là Trưởng ban, Phó Trưởng ban thường trực là Cục trưởng Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục (KTKĐCLGD), Phó Trưởng ban là lãnh đạo các đơn vị liên quan, thành viên là các cán bộ của Bộ GDĐT, một số chuyên gia về đánh giá và đảm bảo chất lượng trong nước.

Ban chỉ đạo có nhiệm vụ chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc các tổ chức KĐCLGD (CEA), các cơ sở GDĐH trong quá trình thực hiện việc thẩm định, xác nhận và công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục; tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm sau khi thực hiện.

2. Quy trình tổ chức thẩm định và xác nhận các điều kiện đảm bảo chất lượng

Quy trình được thực hiện theo trình tự sau:

a) **Bước 1:** Các tổ chức KĐCLGD xây dựng kế hoạch cụ thể để tổ chức triển khai (căn cứ vào kế hoạch chung của Bộ GDĐT) đối với các cơ sở GDĐH được phân công theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ GDĐT. Gửi kế hoạch đến các cơ sở GDĐH này (để các cơ sở GDĐH có thời gian chuẩn bị báo cáo và các tài liệu, minh chứng khác phục vụ công tác thẩm định). Đồng thời, gửi email cho Bộ GDĐT qua Cục KTKĐCLGD để báo cáo.

b) **Bước 2:** Các cơ sở GDĐH xây dựng báo cáo theo mẫu, chuẩn bị các tài liệu, minh chứng liên quan đến nội dung báo cáo. Gửi báo cáo kèm theo các minh

chúng tới tổ chức KĐCLGD. Đồng thời, gửi email cho Bộ GDĐT qua Cục KTKĐCLGD để báo cáo.

c) **Bước 3:** Tổ chức KĐCLGD triển khai công tác thẩm định các điều kiện đảm bảo chất lượng của các cơ sở GDĐH (nghiên cứu, đánh giá qua hồ sơ minh chứng hoặc kiểm tra thực tế - nếu cần), đảm bảo thực hiện chính xác, khách quan, minh bạch và đúng tiến độ. Trong quá trình thẩm định, tổ chức KĐCLGD và các cơ sở GDĐH cần phối hợp chặt chẽ để cập nhật thông tin, bổ sung minh chứng (nếu có).

d) **Bước 4:** Sau khi hoàn thành công tác thẩm định, tổ chức KĐCLGD cùng với cơ sở GDĐH ký biên bản về kết quả thẩm định. Trong thời gian 02 ngày làm việc sau khi biên bản được ký kết, tổ chức KĐCLGD gửi văn bản xác nhận các điều kiện đảm bảo chất lượng của cơ sở GDĐH cho cơ sở GDĐH. Đồng thời gửi cho Bộ GDĐT qua Cục KTKĐCLGD.

đ) **Bước 5:** Bộ GDĐT công khai văn bản xác nhận các điều kiện đảm bảo chất lượng của cơ sở GDĐH trên Cổng thông tin điện tử của Bộ GDĐT, các cơ sở GDĐH công khai văn bản xác nhận trên trang thông tin điện tử của mình.

Ghi chú: Trong quá trình thực hiện các bước trên, Ban chỉ đạo có thể tiến hành các hoạt động kiểm tra, giám sát đối với cơ sở GDĐH và tổ chức KĐCLGD để bảo đảm chất lượng và tiến độ thực hiện kế hoạch. Sau khi công khai kết quả lên Cổng thông tin điện tử của Bộ GDĐT, trang thông tin điện tử của các cơ sở GDĐH, ... nếu các bên liên quan phát hiện chưa chính xác cần thông báo ngay cho Bộ GDĐT qua Cục KTKĐCLGD để xử lý kịp thời.

3. Mẫu báo cáo và hướng dẫn thực hiện

Mẫu để các cơ sở GDĐH báo cáo và tổ chức KĐCLGD thẩm định chủ yếu dựa vào Phụ lục tại Quy chế tuyển sinh đại học chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25/01/2017, có chi tiết hóa một số nội dung liên quan đến cách xác định chỉ tiêu tuyển sinh (**Phụ lục 1** kèm theo).

Cục KTKĐCLGD thống nhất với các tổ chức KĐCLGD, hướng dẫn chung cho các cơ sở GDĐH về các tài liệu, minh chứng cần thiết và cách thức triển khai.

4. Đối tượng thẩm định

Tất cả các cơ sở GDĐH đều phải tham gia việc thẩm định. Ngoài ra:

a) Miễn thẩm định điều kiện đảm bảo chất lượng đối với các cơ sở GDĐH đã được kiểm định (được tổ chức KĐCLGD cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục) tính cho đến hết ngày 15/4/2017. Trước mắt, Bộ GDĐT xác nhận điều kiện đảm bảo chất lượng của các cơ sở GDĐH này theo thông tin đã công bố trong đề án tuyển sinh.

b) Đối với các cơ sở GDĐH trực thuộc Bộ Công An và Bộ Quốc phòng do Bộ chủ quản tổ chức đánh giá, thẩm định và báo cáo kết quả về Bộ GDĐT qua Cục KTKĐCLGD.

5. Giao nhiệm vụ cho các tổ chức KĐCLGD

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định giao nhiệm vụ khảo sát, thẩm định các điều kiện đảm bảo chất lượng cho các tổ chức KĐCLGD (kèm theo danh sách các cơ sở giáo dục) dựa trên một số nguyên tắc sau: (a) **Phân bổ theo từng**

vùng địa lý: gần trụ sở của các tổ chức KĐCLGD; (b) **Đảm bảo tính khách quan:** các tổ chức KĐCLGD của đại học quốc gia, đại học vùng không thẩm định các cơ sở đào tạo trực thuộc; (c) **Đảm bảo tính thực tiễn, linh hoạt và khả thi:** những cơ sở GDĐH đã đăng ký việc đánh giá ngoài với tổ chức KĐCLGD nào thì giao cho tổ chức KĐCLGD đó thực hiện thẩm định.

6. Phương án kinh phí

Bộ Giáo dục và Đào tạo đảm bảo kinh phí cho việc thực hiện Kế hoạch.

Vụ Kế hoạch – Tài chính phối hợp với Cục KTKĐCLGD, các tổ chức KĐCLGD, xây dựng phương án kinh phí cụ thể, báo cáo Bộ trưởng xem xét, quyết định.

7. Tổ chức thực hiện

a) Ban chỉ đạo có nhiệm vụ chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc các tổ chức KĐCLGD (CEA), các cơ sở GDĐH trong quá trình thực hiện việc thẩm định, xác nhận và công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục; tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm sau khi thực hiện;

b) Cục KTKĐCLGD làm đầu mối, phối hợp với các đơn vị liên quan thuộc Bộ, các tổ chức KĐCLGD, các cơ sở GDĐH thực hiện nghiêm túc, đúng quy định, đúng tiến độ kế hoạch này.

Tiến độ thực hiện các công việc chính (**Phụ lục 2** kèm theo).

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các đơn vị liên quan cần báo ngay cho Bộ GDĐT qua Cục KTKĐCLGD để xử lý kịp thời./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để b/c);
- Các đại học, học viện, trường đại học (để t/h);
- Các đơn vị liên quan thuộc Bộ (để t/h);
- Cục Nhà trường (Bộ QP);
- Cục Đào tạo (Bộ CA);
- Các tổ chức KĐCLGD;
- Lưu: VT, KTKĐCLGD.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Bùi Văn Ga



HƯỚNG DẪN MẪU BÁO CÁO (Kèm theo Kế hoạch số: 203/KH-BGDĐT ngày 27/3/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

BÁO CÁO

CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Tên cơ sở giáo dục đại học (trường):.....

Tên tổ chức KĐCLGD chịu trách nhiệm thẩm định và xác nhận: Trung tâm KĐCLGD

1. Thông tin chung về trường (tính đến thời điểm báo cáo)

1.1. Tên trường, sứ mệnh, địa chỉ các trụ sở (trụ sở chính và phân hiệu) và địa chỉ trang thông tin điện tử của trường:.....	CEA xác nhận	
	Đúng	Sai
	x	
		Ghi chú

Minh chứng: Về Sứ mệnh: Nhà trường có tuyên bố chính thức về sứ mệnh/Văn bản tuyên bố chính thức về sứ mệnh của nhà trường; Về Phân hiệu Nhà trường: Văn bản cho phép mở phân hiệu của các cơ quan có thẩm quyền, Quy chế hoạt động của từng Phân hiệu (nếu có); Trang thông tin điện tử: Website link (có máy website?).
Ghi rõ đường link hoặc địa chỉ của website.

1.2. Quy mô đào tạo

Ghi chú: Quy mô hiện tại = Số nhập học của các khóa (sau khi tuyển sinh) + (công) số chuyển đến trường - (trừ) số bỏ học, bị đuổi học, dừng học, chuyển đi khỏi trường - (trừ) số tới nghiệp sớm + (công) số tới nghiệp muộn.

Nhóm ngành	DH					CDSP														
	GD chính quy					GDTX		GD chính quy			GDTX									
	(Ghi rõ cả số nghiên cứu sinh - NCS, học viên cao học -CH, Sinh viên DH, CE)																			
	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Năm ...	Công	CEA xác nhận	Tổng số	CEA xác nhận	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Công	CEA xác nhận	Tổng số	CEA xác nhận				
Nhóm ngành I	30NCS; 100CH; 1000 DH; 50CD	30NCS; 200 CH; 1000 DH; 50CD	40NCS; 1000 DH; 50CD	1000 DH		100NCS; 300 CH; 4000														

Quy mô hiện tại

Nhóm ngành II						DH; 150CD													
Nhóm ngành III																			
Nhóm ngành IV																			
Nhóm ngành V																			
Nhóm ngành VI																			
Nhóm ngành VII																			
Tổng	50NCS; 200 CH; 2000 DH; 100CD	50NCS; 300 CH; 2000 DH; 100CD	50NCS; 2000 DH; 100CD	2000 DH		150NCS; 500 CH; 8000 DH; 300CD													

Minh chứng: Các quyết định trúng tuyển hoặc nhập học của các khóa tuyển sinh (có danh sách kèm theo; các quyết định đình học, buộc thôi học; chuyển đi, chuyển đến, quyết định tốt nghiệp (đối với số sinh viên của các khóa đang học nhưng hoàn thành chương trình đào tạo sớm so với kế hoạch), v.v ở tất cả các cơ sở đào tạo, các phân hiệu thuộc quản lý của Nhà trường.

2. Các thông tin của năm tuyển sinh

Thông tin của năm tuyển sinh	CEA xác nhận		Ghi chú
	Đúng	Sai	
2.1. Đối tượng tuyển sinh:	X		
2.2. Chỉ tiêu tuyển sinh:	X		

Minh chứng: Về đối tượng tuyển sinh: theo dự thảo thông báo tuyển sinh; Về chỉ tiêu tuyển sinh: theo thông báo chỉ tiêu tuyển sinh của Bộ GDĐT.

3. Thông tin về các điều kiện đảm bảo chất lượng chính

3.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

Ghi chú: Cách ghi về "Hình thức sử dụng" đối với các bảng 3.1.1, 3.1.2 và 3.1.3: Thuộc sở hữu của trường: SH; Liên kết, dùng chung với đơn vị khác: LK; Thuê của đơn vị khác: TH

3.1.1. Thống kê tổng diện tích đất, tổng diện tích sản xây dựng

TT	Nội dung	Diện tích (m ²)	CEA xác nhận	Hình thức sử dụng					
				(Ghi số diện tích vào ô tương ứng - m ²)					
				SH	CEA xác nhận	LK	CEA xác nhận	TH	CEA xác nhận
1.	Tổng diện tích đất của trường	400.000		200.000				200000	
2.	Tổng diện tích sản xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học của trường (bao gồm hội trường, giảng đường, phòng học các loại; thư viện, trung tâm học liệu; phòng thí nghiệm, phòng thực hành, xưởng thực tập, nhà tập đa năng)	600.000		400.000		100.000		100.000	

Minh chứng: Về tổng diện tích đất: Sổ đỏ hoặc văn bản hợp pháp được giao quyền sử dụng đất của cơ quan có thẩm quyền hoặc văn bản thuê đất lâu dài (5 năm trở lên) hoặc văn bản hợp pháp liên kết sử dụng đất với 1 đơn vị khác. Về diện tích sản xây dựng: Hồ sơ thiết kế các công trình xây dựng của Trường; Sơ đồ các phòng ốc/ bản thiết kế các phòng ốc hoặc các văn bản/quyết định của Nhà trường về chuyển đổi công năng các phòng theo công năng hiện đang sử dụng.

3.1.2. Thống kê các phòng thí nghiệm, phòng thực hành, xưởng thực tập, nhà tập đa năng

TT	Tên	Số lượng	Mục đích sử dụng	Đối tượng phục vụ	Diện tích sản xây dựng (m ²)	CEA xác nhận	Hình thức sử dụng					
							(Ghi số diện tích sản xây dựng vào ô tương ứng - m ²)					
							SH	CEA xác nhận	LK	CEA xác nhận	TH	CEA xác nhận
1.	Phòng thí nghiệm...	2			100		100		0		0	
2.	Phòng thí nghiệm...				50		50					
3.	Phòng thực hành ...		Thực hành kỹ năng...	GV, NCS, CH và SV năm 3,4	50		0		50			
4.	Phòng thực hành ...				100		100					
5.											
6.	Xưởng thực tập				500		500					
7.											
8.	Nhà tập đa năng				2.200		2.200					

Tổng cộng	3.000	2.950	50
------------------	--------------	--------------	-----------

Minh chứng: Sổ đồ hoặc văn bản được giao quyền sử dụng hoặc văn bản hợp pháp thuê/lien kết ghi rõ diện tích sử dụng hoặc các văn bản quyết định của Nhà trường về chuyển đổi công năng các phòng theo công năng hiện đang sử dụng (có địa chỉ tên phòng, khu nhà ... hiện đang sử dụng. Ví dụ: phòng học số 1 đến số 5, nhà A; Hội trường số 1, khu B); Hồ sơ thiết kế các công trình xây dựng của Trường; Các văn bản quy định của Trường về việc khai thác/sử dụng các phòng chuyên dụng này.

3.1.3. Thống kê phòng học, thư viện, trung tâm học liệu

TT	Loại phòng	Tổng số	CEA xác nhận	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	CEA xác nhận	Theo hình thức sử dụng (Ghi số diện tích sàn xây dựng vào ô tương ứng – m ²)					
						SH	CEA xác nhận	LK	CEA xác nhận	TH	CEA xác nhận
1.	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	5		500		200		200		100	
2.	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	10		1.000							
3.	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	50		2.500							
4.	Số phòng học dưới 50 chỗ										
5.	Số phòng học đa phương tiện										
6.	Số thư viện	2		1.000							
7.	Số trung tâm học liệu	1		1.000							
	Tổng cộng			5.000							

Minh chứng: Sổ đồ hoặc văn bản được giao quyền sử dụng hoặc văn bản hợp pháp thuê/lien kết ghi rõ diện tích sử dụng hoặc các văn bản quyết định của Nhà trường về chuyển đổi công năng các phòng theo công năng hiện đang sử dụng (có địa chỉ tên phòng, khu nhà ... hiện đang sử dụng. Ví dụ: phòng học số 1 đến số 5, nhà A; Hội trường số 1, khu B)

3.1.4. Thống kê về thư viện và trung tâm học liệu

TT	Nội dung	Tổng số	CEA xác nhận
1	Số phòng đọc		
2	Số chỗ ngồi đọc		
3	Số máy tính của thư viện		

4	Số lượng đầu sách, tạp chí, kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử	
5	Số thư viện điện tử liên kết ngoài trường	

Minh chứng: Hồ sơ thiết kế thư viện: danh mục các đầu sách và số lượng; các báo cáo, số biên bản kiểm kê tài sản (máy tính, bàn ghế trang thiết bị, sách tạp chí... của thư viện và trung tâm học liệu); Văn bản /quyết định của Nhà trường về công năng và phòng.

3.2. Danh sách giảng viên cơ hữu

	Chức danh				Bảng tốt nghiệp cao nhất			CEA xác nhận		Ghi chú
	PGS	GS	DH	ThS	TS	TSKH	Đúng	Sai		
Nhóm ngành I										
Nguyễn Văn A	X				X				X	Không phải là GV cơ hữu của đơn vị
.....										
Tổng của nhóm ngành										
Nhóm ngành II										
.....										
Tổng của nhóm ngành										
Nhóm ngành III										
.....										
Tổng của nhóm ngành										
Nhóm ngành IV										
.....										
Tổng của nhóm ngành										
Nhóm ngành V										
.....										

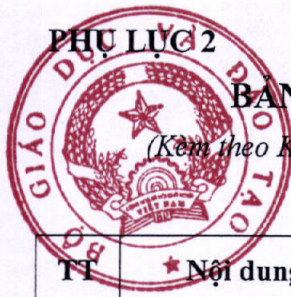
Tổng của nhóm ngành																			
Nhóm ngành VI																			
.....																			
Tổng của nhóm ngành																			
Nhóm ngành VII																			
.....																			
Tổng của nhóm ngành																			
GV các môn chung																			
.....																			
Tổng giảng viên toàn trường	510	20	10												500				
CEA xác nhận	20	10													10				

Minh chứng: Danh sách trích ngang giảng viên cơ hữu, bảng thanh toán lương thực tế cả năm 2016 và những tháng đầu năm 2017 (tính đến thời điểm hiện tại) theo các đơn vị chia trường (đối với người bắt đầu nghỉ, chuyên khởi trường từ tháng 1/2017 thì có ghi chú riêng) như khoa, bộ môn, trung tâm, viện v.v...

Địa danh, ngày... tháng... năm 2017
T/M TÒ THÂM ĐỊNH
(Ký, ghi rõ họ tên)

Địa danh, ngày... tháng... năm 2017
HIỆU TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)


Handwritten signature



BẢNG TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÁC CÔNG VIỆC CHÍNH

(Kèm theo Kế hoạch số: 203/KH-BGDĐT ngày 27/3/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

TT	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì/phối hợp	Sản phẩm/ Kết quả	Ghi chú
I. Công tác chuẩn bị					
1.	Xây dựng kế hoạch, trình lãnh đạo Bộ phê duyệt	22/3/2017	Cục KTKĐCLGD/ Vụ GDĐH + Vụ KH-TC + Cục CNTT + CEAs	Kế hoạch được phê duyệt	
2.	Thành lập Ban chỉ đạo công tác thẩm định	31/3/2017	Cục KTKĐCLGD/ Vụ GDĐH + Vụ KH-TC + Cục CNTT + TTr + VP Bộ...	Quyết định thành lập	Lãnh đạo Bộ là Trưởng ban, Phó Trưởng ban thường trực là Cục trưởng Cục KTKĐCLGD, Phó Trưởng ban là lãnh đạo một số đơn vị liên quan
3.	Giao nhiệm vụ cho các CEAs	31/3/2017	Cục KTKĐCLGD/ Vụ GDĐH + CEAs	Quyết định giao nhiệm vụ cho từng CEA	Phân chia theo các tiêu chí đã thống nhất
4.	Gửi Công văn + mẫu báo cáo cho các cơ sở GDĐH	31/3/2017	Cục KTKĐCLGD/ Vụ GDĐH + CEAs	Công văn gửi các đơn vị, đưa lên Công TTĐT của Bộ	
II. Tổ chức thẩm định					
1.	Các cơ sở GDĐH báo cáo	4/2017	Cục KTKĐCLGD/ CEAs	Các báo cáo gửi về CEAs và gửi email về Bộ	
2.	Các CEA thực hiện thẩm định, xác nhận	Đến 15/6/2017	CEAs + các chuyên gia /Cục KTKĐCLGD	Kết quả gửi về cơ sở GDĐH và Bộ để công khai	Đến 30/6/2017 công khai điều kiện ĐBCL đã được xác nhận của các cơ sở GDĐH
III. Kiểm tra, đánh giá rút kinh nghiệm					
1.	Nhận thông tin phản hồi của các cơ sở GDĐH và xã hội về việc thẩm định (nếu có)	Từ 4/2017	Ban chỉ đạo/Cục KTKĐCLGD		Nhận phản hồi trong và sau quá trình thẩm định
2.	Kiểm tra, giám sát thực tế hoạt động thẩm định	Từ 4/2017	Ban chỉ đạo/Cục KTKĐCLGD	Có báo cáo sau mỗi đợt kiểm tra, giám sát	Tổ chức các đoàn kiểm tra, giám sát tại địa điểm làm việc



TT	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì/phối hợp	Sản phẩm/ Kết quả	Ghi chú
					của các CEAs, tại một số cơ sở GDĐH
3.	Tổ chức hội nghị đánh giá, rút kinh nghiệm	9/2017	Ban chỉ đạo/Cục KTKĐCLGD + Vụ GDĐH, các cơ sở GDĐH, CEAs	Báo cáo đánh giá việc thực hiện năm 2017, rút kinh nghiệm cho các năm tiếp theo	Lãnh đạo Bộ chủ trì

Ghi chú: CEA: tổ chức KĐCLGD.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Iceas